UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG
Số : 7198 / QĐ.UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Long xuyên , ngày 31 tháng 10 năm 1997

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH AN GIANG

V/v công nhận và cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho Văn phòng UBND tỉnh An Giang .

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND (sửa đổi) ngày 21/06/1994;
- Căn cứ Luật đất đai được Quốc hội thông qua ngày 14/07/1993 ;
- Xét hồ sơ và đơn xin giao đất của **Văn phòng UBND tỉnh An Giang** ;
- Xét đề nghị của GIÁM ĐỐC SỞ ĐỊA CHÍNH TỈNH AN GIANG.

QUYẾT ĐỊNH

Điều I : Nay công nhận cho **Văn phòng UBND tỉnh An Giang** được quyền sử dụng khu đất có diện tích **7.844,7 m²** ; loại đất : chuyên dùng ; thửa số 14 ; tờ bản đồ số 10. Đất tọa lạc phường Mỹ Bình, thị xã Long Xuyên.

Vị trí ranh giới khu đất được xác định theo hồ sơ kỹ thuật khu đất do Sở Địa chính xác lập ngày 24/09/1997 biên vẽ từ bản đồ gốc số 1354/LX97.

Điều II : Cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho **Văn phòng UBND tỉnh An Giang .**

Điều III : Chánh văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND thị xã Long Xuyên, Giám Đốc Sở Địa Chính và Thủ Trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này .

Nơi Nhận :
_ Như điều III
_ Lưu VT.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Nhị

(2)

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ ĐỊA CHÍNH

Số : 1780/TT.ĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Long xuyên, ngày 28 tháng 10 năm 1997

TỜ TRÌNH

V/v công nhận QSDĐ
cho văn phòng UBND tỉnh An Giang .

Kính gởi: **Thường Trực UBND Tỉnh An Giang .**

- Căn cứ Luật đất đai được Quốc Hội thông qua ngày 14/7/1993 ;
- Căn cứ pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được nhà nước giao đất, cho thuê đất ngày 14/10/1994 và pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được nhà nước giao đất, cho thuê đất ngày 27/08/1996 ;
- Căn cứ Nghị định 85/Cp ngày 17/12/1996 của Chính Phủ qui định việc thi hành pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được nhà nước giao đất, cho thuê đất ;
- Căn cứ quyết định số 5846/QĐ.UB ngày 06/08/1997 của UBND tỉnh An Giang v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc UBND tỉnh An Giang ;
- Sở Địa Chính đã thẩm tra hồ sơ xin giao đất của **Văn phòng UBND tỉnh An Giang**, kính trình UBND Tỉnh xem xét quyết định.

1.) Hồ sơ đất đai : Đầy đủ theo quy định .

2.) Đặc điểm khu đất :

- Diện tích : **7.844,7 m^2**
- Loại đất : chuyên dùng.
- Vị trí đất nằm trong thửa : **14**
- Tờ bản đồ số : **10**
- Loại bản đồ : Bản đồ Địa chính.
- Quá trình sử dụng đất : Nhà, đất do nhà nước tiếp quản từ năm 1975, sử dụng làm trụ sở văn phòng ủy ban cho đến nay.

Đơn vị đã lập đủ hồ sơ xin giao đất theo qui định, Sở Địa chính kính đề nghị UBND Tỉnh xem xét ra quyết định giao đất cho **Văn phòng UBND tỉnh An Giang .**

SỞ ĐỊA CHÍNH AN GIANG
GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ ĐỊA CHÍNH
TỈNH AN GIANG

Cao Văn Bé

(9.1)

MẪU SỐ 1a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Long Xuyên, ngày 16 tháng 09 năm 1997

ĐƠN XIN GIAO ĐẤT

KÍNH GỬI : SỞ ĐỊA CHÍNH AN GIANG

1.Tên tổ chức : VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

2. Quyết định (giấy phép) thành lập :

3. Địa chỉ : 16C Tân Đức Thắng Phường Mỹ Bình TX Long Xuyên Tỉnh An Giang Điện thoại : 856955

4. Dự kiến vị trí khu đất xin giao : Nằm Góc đường Tân Đức Thắng - Lê Hồng Phong

5. Diện tích xin giao :

6. Thời hạn sử dụng :

7. Mục đích sử dụng : Xây Dựng Trụ Sở Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh An giang

8. Cam kết :

— Sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đầy đủ các qui định của pháp luật đất đai.

— Trả tiền sư dụng đất và nộp lệ phí địa chính đầy đủ đúng thời hạn qui định.

Người làm đơn

Lê Sung

(6.9)

SỞ ĐỊA CHÍNH AN GIANG
TRUNG TÂM ĐO ĐẠC ĐỊA CHÍNH

HỒ SƠ KHỐNG CHẾ VÀ ĐO VẼ CHI TIẾT
(CÁC CÔNG TRÌNH CỤC BỘ)

SỞ ĐỊA CHÍNH AN GIANG
KIỂM TRA
Tháng ... Năm ...

Người đo : Nguyễn Thanh Phong Người ghi : Nguyễn Thanh Phong

Đo ngày ..... tháng ..... năm 199.....

Người kiểm tra : ..... Kết quả đo (đạt, hay không đạt) :

.....

.....

Điểm KCĐV hoặc điểm Chi tiết	SỐ LIỆU ĐO		SƠ ĐỒ KHỐNG CHẾ HOẶC SƠ ĐỒ ĐO VẼ CHI TIẾT (Sơ đồ điểm mia)
	S	β	

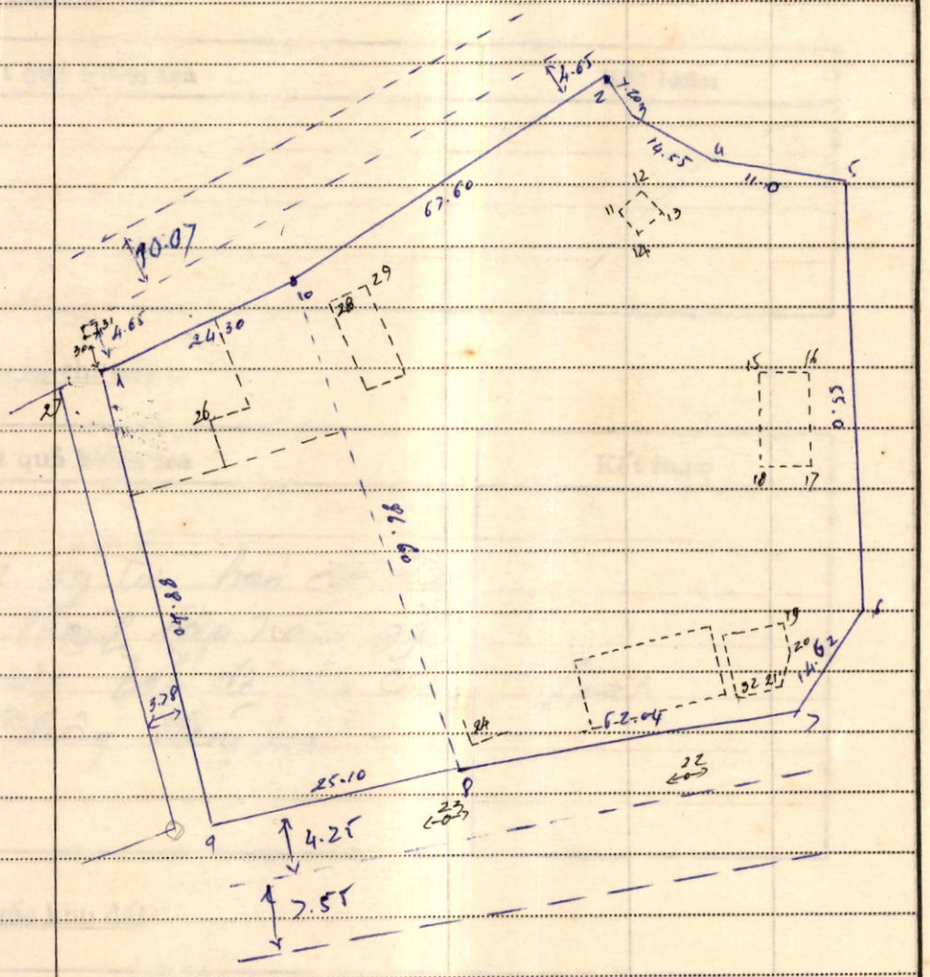

4/. Hồ sơ kỹ thuật khu đất :

Kết quả kiểm tra	Kết luận
- Can vẽ khớp bản gốc. - ghi đầy đủ các mục	Đạt

5/. Biên bản đo đạc và thẩm tra hồ sơ đất đai :

Kết quả kiểm tra	Kết luận

6/. Báo cáo kỹ thuật :

Kết quả kiểm tra	Kết luận
ghi đầy đủ	Đạt

7/. Kiểm tra ngoại nghiệp :

Kết quả kiểm tra	Kết luận
Không kiểm tra.	

II. - KẾT LUẬN CHUNG :

Hồ sơ đạt yêu cầu kỹ thuật

Ngày 20 tháng 8 năm 1997

Cán bộ kiểm tra

Đã xem lại hộ giới đạt yêu cầu.

Lx ngày 15/9/97

Kim Thủy

(6)

SỞ ĐỊA CHÍNH AN GIANG
TRUNG TÂM ĐO ĐẠC ĐỊA CHÍNH
*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

SỞ ĐỊA CHÍNH AN GIANG
TRUNG TÂM ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ
ĐÃ KIỂM TRA

BÁO CÁO KỸ THUẬT
ĐO VẼ LẬP BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG KHU ĐẤT

- Ông (Bà), Đơn vị : Trụ Sở UBND Tỉnh
- Khu Đất Tọa lạc tại : Số :..... Đường : Tôn Đức Thắng
  Khóm (Ấp) : Bình Long II
  Phường (Xã) : Mỹ Bình
  Huyện (Thị) : Long Xuyên

I. PHƯƠNG ÁN ĐO VẼ :

1. Phương pháp đo vẽ :
Chỉnh lý bản đồ Mỹ Bình, Thành lập năm 1995

2. Tỷ lệ đo vẽ : 1/500

3. Dụng cụ đo : Thước vải 30 m

4. Bố trí điểm khống chế đo vẽ :

5. Tính toán bình sai :

6. Dụng cụ triển vẽ : Compa và các dụng cụ kỹ thuật khác

7. Phương pháp kẻ lưới ô vuông :

8. Phương pháp triển điểm khống chế đo vẽ :

9. Phương pháp triển vẽ chi tiết :

10. Bản đồ cơ sở dùng để trích đo : Mỹ Bình
Tên bản đồ : DH-I-D-d / DH-II-cc tỷ lệ : 1/500 Loại bản đồ : giải thửa

11. Các thửa bao hoặc gộp trên bản đồ cơ sở : 63 (tờ 11), 4, 14, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15 (tờ 10)

12. Số thứ tự thửa đất :

13. Phương pháp tính toán diện tích : Heron

14. Lộ giới và văn bản lộ giới áp dụng cho khu đất : văn bản hiện hành

15. Biên vẽ bản đồ hiện trạng khu đất từ bản đồ gốc : Mỗi thành lập bảng đồ độc lập cho khu đất, bản đồ tỷ lệ 1/500

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN :

1. Lưới khống chế đo vẽ :

- Số cạnh trong tuyến dài nhất :..... mét.
- Cạnh đường chuyền (giao hội) dài nhất :..... mét.
- Độ chính xác lưới khống chế đo vẽ :.....

2. Khoảng cách lớn nhất từ máy đến mia (gương) :..... mét.

3. Khoảng cách đo bằng thước thép (dây) lớn nhất :.....88.40..... mét.

4. Số lần giao hội cạnh hoặc chuyền khoảng cách nhiều nhất :..... lần.

5. Chênh lệch khoảng cách lớn nhất giữa khoảng cách triển vẽ trên bản đồ gốc và khảng cách đo trực tiếp bằng thước thép (vải) :.....20..... cm.

III. SẢN PHẨM GIAO NỘP KIỂM TRA :

1 - Bản đồ gốc khu đất ..... số lượng :.....01.....
2 - Thể kỹ Thuật Thửa đất ..... số lượng :.....02.....
3 - Sổ đo vẽ ..... số lượng :.....01.....
4 - Báo cáo kỹ Thuật ..... số lượng :.....01.....
5 - ..... số lượng :.....
6 - ..... số lượng :.....
7 - ..... số lượng :.....
8 - ..... số lượng :.....
9 - ..... số lượng :.....
10 - ..... số lượng :.....

Duyệt 10/09/98
ĐƠN VỊ THI CÔNG

Lx..... *Ngày* 15 *tháng* 08 *năm* 1997.....
Người lập Báo Cáo
(ký ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thanh Phong.

10.1

CÔNG VĂN ĐẾN
S. 515 - 20/10/97

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số : 1281 /CV.UB	*Long xuyên, ngày 16 tháng 10 năm 1997*
V/v miễn thuế trước bạ đất trụ sở VP.UBND Tỉnh.	

Kính gởi :- Cục Thuế
- Sở Địa chính

Diện tích đất thuộc trụ sở làm việc của Văn phòng UBND Tỉnh tọa lạc tại phường Mỹ Bình, thị xã Long xuyên là đất thuộc diện tiếp quản từ chế độ ngụy quân-ngụy quyền Sàigòn cũ, hiện tại thuộc quyền quản lý và sử dụng của Nhà nước - không mua - không bán. Xét điều kiện cụ thể trường hợp này, nên Uỷ Ban Nhân Dân Tỉnh đồng ý cho miễn đóng thuế trước bạ diện tích đất thuộc trụ sở UBND Tỉnh.

Yêu cầu các ngành thực hiện theo tinh thần công văn này.

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Nhị

Nơi nhận :
- Như trên
- Ban QLDA ĐTXD
- VP.UBND Tỉnh
- Lưu.

Biên vẽ từ bản đồ gốc số :1574/AK97 Phụ Lục 8

Lưu trữ tại Sở Địa Chính An Giang

HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT

1. Tên Chủ Sử Dụng Đất :...Văn Phòng UBND Tỉnh

2. Khu Đất Tọa Lạc tại : Số nhà :..... Đường phố .....Trần Quốc Thảo.....

Khóm (ấp) .Bình Giang Phường (Thị Trấn) :..Mỹ Bình..... Huyện (Thị) :.....Long Xuyên Tỉnh An Giang

3. Lộ Giới Áp dụng theo văn bản số :.577..... có hiệu lực từ ngày ..27/5/96....Cơ quan phát hành ..UBND Tỉnh

- Khu đất cách tim đường hiện hữu :.....12:0..... mét
- Khu đất cách mép đường cùng phía với khu đất là :.....6.20..... mét.

4. Vị trí đất được xác định theo văn bản số :..5744... ký ngày :...19/7..... Cơ quan phát hành ...UBND Tỉnh.

4-1. Đất ở đô thị : Đô thị loại :...Ba..... đường loại :.....Hai..... Vị trí :.....1 Mặt.....

4-2. Đất ven đô thị : Loại ..... hạng :..... Vị trí :.....

5. Sơ đồ khu đất :

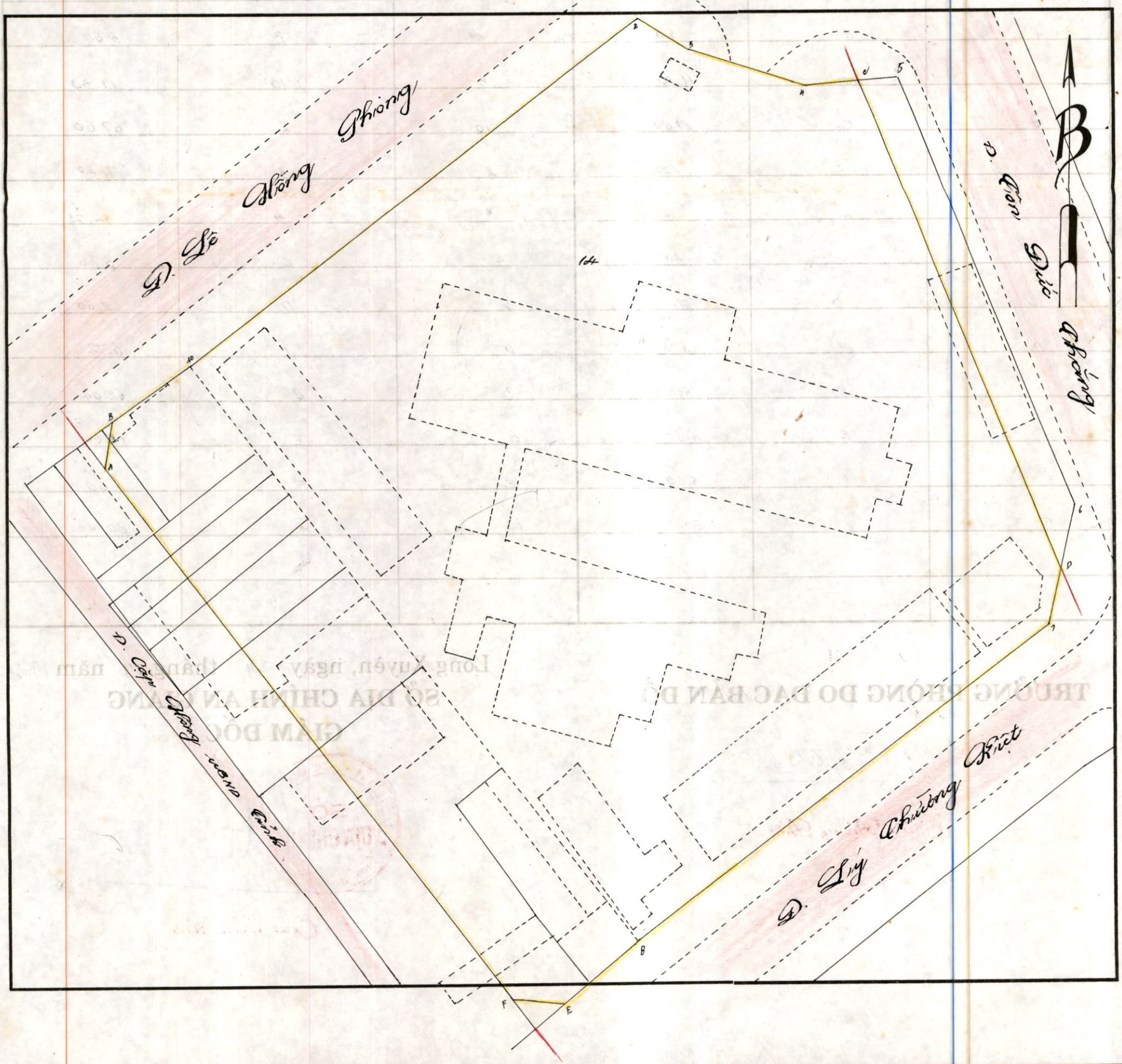

6. bảng thống kê diện tích khu đất

Tờ BĐĐC	Mãnh BĐ gốc	Số thửa	Diện tích theo loại đất (m2)					
			Đất ở (I)	LnK	CDK	Ao, mương		
10	D4-I-D-d	14	7844.7					

Tổng diện tích khu đất : 7844.7 m2

7. Kích thước liên quan ...

Đến khu đất			Đến thửa đất 0^2		
Từ góc thửa số	đến góc thửa số	Kh. cách D (m)	Từ góc thửa số	đến góc thửa số	Kh. cách D (m)
A	B	5.60	A	B	5.60
B	10	11.30	B	10	11.30
10	2	67.60	10	2	67.60
2	3	7.20	2	3	7.20
3	4	14.55	3	4	14.55
4	C	6.40	4	C	6.40
C	D	62.60	C	D	62.60
D	7	6.72	D	7	6.72
7	8	62.04	7	8	62.04
8	E	11.60	8	E	11.60
E	F	5.60	E	F	5.60
F	A	80.40	F	A	80.40

Long Xuyên, ngày 24 tháng 09 năm 1997

TRƯỞNG PHÒNG ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ

Trần Đăng Đức

SỞ ĐỊA CHÍNH AN GIANG
GIÁM ĐỐC

Cao Văn Bé